

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **147/2020/HC-PT**

Ngày: 22 – 7 – 2020

V/v: “Kiện yêu cầu hủy Quyết định
hành chính”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Ngọc Thông;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thanh Long;

Ông Phạm Việt Cường.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thanh Thủy, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng: Ông Trần Thanh Tuấn – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Vào ngày 22 tháng 7 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 17/2019/TLPT-HC ngày 03 tháng 12 năm 2019 về: “*Kiện yêu cầu hủy quyết định hành chính*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 16/2019/HC-ST ngày 17/9/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1143/2020/QĐ-PT ngày 30 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông **Nguyễn A**, sinh năm 1953 và bà **Trương Thị Đ**, sinh năm: 1957; Địa chỉ: số 157 đường A1, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng. Có Đơn xin xét xử vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Phạm Hồng Th**, sinh năm 1964. Địa chỉ: 265 đường O, quận H1, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

2. Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận (UBND) **L**, thành phố **Đà Nẵng**. Địa chỉ: số 91 đường N, quận L, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Nh, chức vụ: Phó Chủ tịch UBND quận L, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Ủy ban nhân dân quận L, thành phố Đà Nẵng; Địa chỉ: số 91 đường N, quận L, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Nh, chức vụ: Phó Chủ tịch UBND quận L, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

- Ông **Trương Văn C**, sinh năm 1963 và bà **Phan Thị Quỳnh H2**, sinh năm 1969; Địa chỉ: số 74 đường Đ2, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

- Ông **Nguyễn Văn K**, sinh năm 1960 và bà **Trần Thị L**, sinh năm 1965; Địa chỉ: Tổ 53 phường H, quận L, TP. Đà Nẵng. Vắng mặt.

- Bà **Nguyễn Thị H3**, sinh năm 1986 và ông **Nguyễn Tùng L1**, sinh năm 1993; Địa chỉ: 38 đường Đ1, phường H4, quận L, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện Tòa án nhận ngày 28 tháng 12 năm 2019 và tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện là ông Phạm Hồng Th trình bày:

Nguyên trước đây, ông A, bà Đ là người khai hoang, quản lý và sử dụng thửa đất số 182, tờ bản đồ số 12 tại phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng từ năm 1975 đến nay.

Đến năm 2003, UBND thành phố Đà Nẵng đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất số 3404021205 ngày 08/7/2003 cho ông Nguyễn Đức L2 và bà Lê Thị Tuyết N1 (cùng trú tại: Tổ 50A (tổ 87 cũ) phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng) một cách trái pháp luật đối với thửa đất số 182, tờ bản đồ số 12 nêu trên.

Sau khi ông A, bà Đ khởi kiện UBND thành phố Đà Nẵng tại Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng. Tại Bản án hành chính sơ thẩm số: 07/2016/HC-ST ngày 05/9/2016 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đã tuyên hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất số 3404021205 do UBND thành phố Đà Nẵng cấp trái pháp luật cho ông Nguyễn Đức L2 và bà Lê Thị Tuyết N1 ngày 08/7/2003.

Hiện hay, Bản án hành chính sơ thẩm số: 07/2016/HC-ST ngày 05/9/2016 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đã có hiệu lực pháp luật. Tuy nhiên, Chủ tịch UBND quận L đã không những không chấp hành nội dung bản án nêu trên của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng, mà cố ý ban hành các quyết định trái pháp luật số: 782/QĐ-XPVPHC ngày 08/3/2018 và Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả số: 1023/QĐ-CCXP ngày 27/3/2018 cùng một số quyết định hành chính trái pháp luật khác, đồng thời tiến hành cưỡng chế trái pháp luật đối với ông A, bà Đ ngay tại thửa đất số 182, tờ bản đồ số 12 thuộc phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng vào các ngày 16/01/2018, ngày 27/3/2018 và ngày 31/5/2018. Kể từ đó đến nay, một số cá nhân đã liên tục thực hiện việc tập kết vật liệu và ngang nhiên xây dựng trái phép các công trình nhà ở trên thửa đất này, bất chấp sự ngăn cản quyết liệt của gia đình ông A, bà Đ. Theo ông A, bà Đ được biết, một số cá nhân đã cùng làm đơn tố cáo gửi đến các cơ quan chức năng để vụ không vợ chồng ông A, bà Đ đã chiếm đoạt nhà và đất của họ. Những cá nhân đã cùng làm đơn tố cáo vợ chồng ông A, bà Đ gồm: Ông Trương Văn C và bà Phan Thị Quỳnh H2; Ông Nguyễn Văn K và bà Trần Thị L; Bà Nguyễn Thị H3 và ông Nguyễn Tùng L1. Các quyết định hành chính, hành vi hành chính trên đây của Chủ tịch UBND quận L là trái pháp luật và xâm phạm nghiêm trọng đến các quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của gia đình mình. Ông A, bà Đ khởi kiện vụ án hành chính đối với các quyết định hành chính trái pháp luật trên đây của Chủ tịch UBND quận L.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn A, bà Trương Thị Đ yêu cầu Tòa án giải quyết các nội dung sau: Buộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận L phải thu hồi, hủy bỏ các quyết định trái pháp luật gồm: Quyết định Xử phạt vi phạm hành chính số: 782/QĐ-XPVPHC ngày 08/3/2018 và Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả số: 1023/QĐ-CCXP ngày 27/3/2018 và phải bồi thường toàn bộ mọi thiệt hại đã gây ra cho gia đình ông A, bà Đ trong quá trình thực hiện các quyết định này với tổng thiệt hại tạm tính trong 3 lần cưỡng chế trái pháp luật đối với gia đình là: 78.145.000đ (Bảy mươi tám triệu một trăm bốn mươi lăm nghìn đồng chẵn).

***Theo Văn bản số 221/UBND-TNMT ngày 12 tháng 3 năm 2019 và tại phiên tòa sơ thẩm đại diện theo ủy quyền của người bị kiện Chủ tịch UBND quận L, thành phố Đà Nẵng trình bày:**

Ông Nguyễn Đức L2, bà Lê Thị Tuyết N1 được UBND thành phố Đà Nẵng cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở ngày 08/7/2003,

có mã số 3404021205, số thửa 3, tờ bản đồ số 158, diện tích 556,60m², loại đất ở đô thị; diện tích xây dựng 556,60m² (nhà một tầng; kết cấu: tường xây, mái tôn) tại tổ 87 phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng; Năm 2010, ông Dương Ngọc Đ2 và bà Nguyễn Thị Minh Y, ông Trương Văn C và bà Phan Thị Quỳnh H2 mua nhà, đất do thi hành án của ông Nguyễn Đức L2 và bà Lê Thị Tuyết N1; được UBND quận L cấp lại Giấy chứng nhận số BD 668248 ngày 30/11/2010. Năm 2014, ông Đ2, bà Y, ông C, bà H2 tự thỏa thuận phân chia, tách thành hai thửa đất được Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất gồm:

- Ông Trương Văn C và bà Phan Thị Quỳnh H2 được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BR 807833 ngày 02/6/2014 thửa số 3, tờ bản đồ 158, diện tích 278,6m², loại đất ở.

- Ông Dương Ngọc Đ2 và bà Nguyễn Thị Minh Y được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BR 807225 ngày 14/4/2014 thửa số 26, tờ bản đồ số 158, diện tích 278m², loại đất ở. Sau đó, ông Đ2, bà Y chuyển nhượng lại cho ông Nguyễn Văn K và bà Trần Thị L; bà Nguyễn Thị H3; bà Nguyễn Tùng L1 và sang tên ngày 03/11/2014 tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai quận L và được UBND quận L cấp giấy phép xây dựng nhà ở số 999/GPXD ngày 05/12/2014.

Sau đó, các hộ trên tiến hành xây dựng thì ông Nguyễn A, bà Trương Thị Đ ra cản trở không cho các hộ xây dựng; ông A, bà Đ cho rằng thửa đất UBND thành phố cấp Giấy chứng nhận QSD đất ở và QSH nhà ở cho ông Nguyễn Đức L2 - bà Lê Thị Tuyết N1 là của gia đình (có kê khai đăng ký đất đai theo Chỉ thị 299/CT-TTg) và có đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở của UBND thành phố cấp cho ông Nguyễn Đức L2, bà Lê Thị Tuyết N1.

Sau khi thụ lý và qua quá trình kiểm tra, xem xét, ngày 05/9/2016, Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng có bản án số 07/2016/HC-ST, tuyên xử:

“Hủy Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 3404021205 do UBND thành phố Đà Nẵng cấp ngày 08/7/2003 cho ông Nguyễn Đức L2 và bà Lê Thị Tuyết N1 tại tổ 87 (nay là tổ 50A) phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng”.

Sau khi có bản án, gia đình ông A, bà Đ từ cản trở không cho xây dựng đến chiếm toàn bộ diện tích đất của các hộ do nhận chuyển nhượng hợp pháp và đã

được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Các ông Trương Văn C, ông Nguyễn Văn K, bà Nguyễn Thị H3, bà Nguyễn Tùng L1 nhiều lần có đơn gửi các ban, ngành các cấp đề nghị can thiệp, xử lý.

Ngày 11/3/2017, Văn phòng UBND thành phố Đà Nẵng có Thông báo số 87/TB-VP, thông báo Kết luận của Chủ tịch UBND thành phố Huỳnh Đức T1 tại buổi họp nghe báo cáo một số vụ việc phức tạp. Theo đó, tại Điểm 3 đối với trường hợp ông Nguyễn A và bà Trương Thị Đ:

“Giao UBND quận L chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường mời các cá nhân có liên quan đến vụ việc lên làm việc để xác định:

- Có hay không việc ông Nguyễn A và bà Trương Thị Đ chuyển nhượng hoa màu cho ông Nguyễn Đức L2 tại vị trí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2000;

- Giải thích cho các bên liên quan hiểu tinh thần Bản án số 07/2016/HC-ST ngày 05/9/2016 của Tòa án nhân dân thành phố (Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp năm 2003 nhưng không công nhận cho ông A, bà Đ); Xác định hiện trạng vật kiến trúc, cây cối hoa màu để thống kê xem xét, hỗ trợ một phần cho ông Nguyễn A và bà Trương Thị Đ từ nguồn ngân sách của địa phương;

- Sau khi giải thích, hoàn thành việc hỗ trợ cho ông A và bà Đ, UBND quận L có trách nhiệm chỉ đạo chính quyền địa phương và các cơ quan chức năng có biện pháp hỗ trợ xây dựng để các hộ dân có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hợp pháp được xây dựng nhà theo đúng quy định”.

Ngày 07/8/2017, Công an quận L có Công văn số 657/CAQ báo cáo kết quả xác định chữ ký của các bên đứng tên trong Đơn xin chuyển nhượng nhà, hoa màu và cây lâu niên giữa ông Nguyễn A, bà Trương Thị Đ và ông Nguyễn Đức L2. Theo đó, qua giám định, phòng Kỹ thuật Hình sự Công an thành phố Đà Nẵng Kết luận:

Chữ ký mang tên Nguyễn A dưới mục “Người làm đơn” trên Đơn xin chuyển nhượng nhà, hoa màu và cây lâu niên với chữ ký đứng tên Nguyễn A trên các tài liệu mẫu so sánh là do cùng một người ký ra.

Chữ ký mang tên Trương Thị Đ dưới mục “Chữ ký vợ” trên Đơn xin chuyển nhượng đất, hoa màu và cây lâu niên với chữ ký đứng tên Trương Thị Đ không đồng dạng (chữ ký dạng không đặc được, ít nét, đơn giản, nét chuyển động ngược chiều) nên không tiến hành giám định.”

Ngày 26/9/2017, UBND quận L có buổi làm việc với vợ chồng ông Nguyễn A, bà Trương Thị Đ nhưng ông bà vắng mặt. Trong buổi làm việc, UBND quận thông báo kết quả xác minh của Cơ quan Công an về Giấy chuyển nhượng đất, hoa màu và cây lâu niên giữa vợ chồng ông A, bà Đ với ông Nguyễn Đức L2 vào năm 2000; vận động bà Đ có kiến nghị về chính sách hỗ trợ để UBND quận đề xuất, báo cáo UBND thành phố xem xét giải quyết và đề nghị bà trả lại đất cho các hộ nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Đức L2 có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giấy phép xây dựng nhà ở để các hộ xây dựng nhà. Tuy nhiên, bà Trương Thị Đ không thống nhất. Sau đó, UBND quận giao UBND phường H, phối hợp với Ủy ban mặt trận Tổ quốc và các ban, ngành, đoàn thể tiếp tục vận động ông A, bà Đ giao trả đất lại cho các hộ, nhưng vợ chồng ông A, bà Đ vẫn không chấp hành.

Ngày 12/10/2017, các ông, bà Trương Văn C, Phan Thị Quỳnh H2, Nguyễn Văn K, Trần Thị L, Nguyễn Thị H3 và Nguyễn Tùng L1 có đơn gửi UBND quận L, tố cáo vợ chồng ông Nguyễn A, bà Trương Thị Đ chiếm đoạt đất trái phép của các ông, bà đã được Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất và giấy phép xây dựng; đề nghị UBND quận L can thiệp giải quyết.

Để xử lý trường hợp trên, ngày 28/02/2018 Phòng Tài nguyên và Môi trường quận L lập biên bản vi phạm hành chính, hành vi chiếm đất ở đối với ông Nguyễn A và bà Trương Thị Đ, có sự chứng kiến của các ban, ngành địa phương, ông A, bà Đ có mặt nhưng không ký biên bản. Ngày 08/3/2018, Chủ tịch UBND quận L ban hành Quyết định số 782/QĐ-XPVPHC, xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Nguyễn A và bà Trương Thị Đ đã có hành vi chiếm đất ở; Theo đó, xử phạt tiền và buộc khắc phục hậu quả: Khôi phục lại tình trạng của đất trước khi vi phạm và buộc trả lại đất đã chiếm; sau khi có Quyết định, Phòng Tài nguyên và Môi trường phối hợp với UBND phường và Tổ dân phố đến nhà bà Trương Thị Đ giao Quyết định xử phạt, bà Đ nhận nhưng không ký biên bản; ngày 15/3/2018, UBND phường H, Ủy ban mặt trận Tổ quốc phường và các đoàn thể của phường tiến hành vận động ông A, bà Đ chấp hành Quyết định, nhưng vợ chồng ông, bà vẫn không thực hiện.

Ngày 27/3/2018, Chủ tịch UBND quận L ban hành Quyết định số 1023/QĐ-CCXP cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông Nguyễn A và bà Trương Thị Đ; Ngày 28/3/2018, Phòng Tài nguyên và Môi trường phối hợp với UBND phường và tổ dân phố đến nhà bà Trương Thị Đ giao quyết định cưỡng chế, ông Nguyễn A nhận nhưng không ký biên bản, niêm yết Quyết định cưỡng chế tại UBND phường H. Ngày 11/4/2018, UBND quận L có Báo cáo số

91/BC-UBND về trường hợp ông Nguyễn A và bà Trương Thị Đ trú tại 157 A1, phường H, quận L gửi UBND thành phố xin ý kiến chỉ đạo.

Ngày 07/5/2018, Văn phòng UBND thành phố Đà Nẵng có Thông báo số 74/TB-VP, thông báo kết luận của Phó Chủ tịch UBND thành phố Nguyễn Ngọc Tuấn tại buổi họp nghe báo cáo một số vụ việc phức tạp. Theo đó tại Điểm 1. Vụ việc của ông Nguyễn A và bà Trương Thị Đ:

“a) Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với UBND quận L dự thảo 02 (hai) văn bản trình UBND thành phố xem xét phê duyệt:

+ Thống nhất có văn bản đề nghị Tòa án nhân dân thành phố xem xét, giải thích Bản án số 07/2016/HC-ST ngày 05/9/2016 của Tòa án nhân dân thành phố cho các bên liên quan được rõ để thi hành đúng theo quy định của pháp luật;

+ Thống nhất có văn bản kiến nghị Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao và Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao tại Đà Nẵng xem xét kháng nghị Bản án số 07/2016/HC-ST ngày 05/9/2016 của Tòa án nhân dân thành phố theo thủ tục tái thẩm do phát hiện tình tiết mới.

b) Đề nghị UBND quận L thực hiện việc cưỡng chế theo đúng quy định của pháp luật”.

Ngày 24/5/2018, UBND quận L có Thông báo số 172/TB-UBND về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện, pháp khắc phục hậu quả tại Quyết định số 1023/QĐ-CCXP ngày 27/3/2018 của Chủ tịch UBND quận L đối với ông Nguyễn A và bà Trương Thị Đ. Theo đó, thời gian thực hiện cưỡng chế vào lúc 08 giờ 00 phút ngày 31/5/2018.

Ngày 31/5/2018, UBND quận L tiến hành cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông Nguyễn A và bà Trương Thị Đ: Lập biên bản cưỡng chế số 71/BB-CCXP; Biên bản về việc kiểm kê tài sản số 72/BB-CCXP, ông Nguyễn A và Trương Thị Đ có mặt chứng kiến toàn bộ sự việc tổ chức cưỡng chế và kiểm đếm tài sản nhưng từ chối không nhận lại tài sản, không ký biên bản.

Việc UBND quận L tổ chức cưỡng chế ngày 31/5/2018 khôi phục lại tình trạng ban đầu và trả lại đất đã chiếm của các hộ đã có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hợp pháp theo quy định của pháp luật.

*** Ông Nguyễn Văn K, bà Trần Thị L, ông Nguyễn Tùng L1, bà Nguyễn Thị H3 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có văn bản trình bày:**

Vào ngày 03/11/2014, chúng tôi đồng đứng tên nhận chuyển nhượng một ngôi

nhà và đất với diện tích là 278m² tại Tổ 50A H, quận L theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BR 807255 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 05/12/2014 cho ông Dương Ngọc Đ2 và bà Nguyễn Thị Minh Y và chúng tôi được UBND quận L cấp giấy phép xây dựng và sửa chữa nhà ở. Qua tìm hiểu ngôi nhà cấp 4 với diện tích 278m² mà chúng tôi sở hữu được xây dựng từ năm 2000 đến năm 2006 bão làm sập 1 số tường, xà gồ, tôn còn lại một ít. Do chủ nhà trước khó khăn về tài chính nên giữ nguyên hiện trạng không sửa chữa và sử dụng cho đến khi chuyển nhượng cho chúng tôi vào tháng 11/2014. Sau khi được cấp giấy phép xây dựng chúng tôi tiến hành khởi công thì vợ chồng ông A, bà Đ huy động người cầm hung khí ngăn cản và cưỡng chiếm. Sau khi các cấp chính quyền cưỡng chế giao trả lại cho chúng tôi thì chúng tôi đã xây và sửa lại để sinh sống. Hiện nay trong quá trình sử dụng đất và sinh sống trong căn nhà của mình mà vợ chồng ông A, bà Đ huy động người nhà, người lạ liên tục đến đập phá, quấy rối xung đột ném đất đá vào nhà gây hư hỏng đồ đạc, nhà cửa, gây thương tật đổ máu cho một số người chúng tôi. Chúng tôi sử dụng đất và sở hữu nhà ở của mình theo đúng các trình tự mà pháp luật quy định, nhưng việc ông A, bà Đ liên tục đập phá, quấy rối, hành hung các gia đình chúng tôi trong năm năm qua đã gây nhiều thiệt hại về tinh thần, vật chất, xáo trộn cuộc sống, chúng tôi lúc nào cũng đề phòng canh giữ nhà mình như canh một băng nhóm trộm cắp hành hung tội phạm.

Trên đây là ý kiến của các gia đình chúng tôi gửi đến quý tòa và mong muốn quý tòa xem xét có lý, có tình theo đúng các quy định của Luật Đất đai hiện hành giải quyết dứt điểm dừng để sự việc kéo dài làm ảnh hưởng đến cuộc sống của các gia đình chúng tôi và cộng đồng.

Người có quyền và nghĩa vụ liên quan là ông Trương Văn C và bà Phan Thị Quỳnh H2, trong suốt quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm đều vắng mặt và không có ý kiến gì đối với yêu cầu của người khởi kiện.

Tại Bản án Hành chính sơ thẩm số 16/2019/HC-ST ngày 17/9/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đã quyết định:

Căn cứ điểm d, khoản 2, Điều 106 Luật đất đai 2013;

Căn cứ Điều 30, Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 196, Điều 206 và Điều 213 của Luật tố tụng hành chính.

Căn cứ các Điều 28, 57, 68, 86, 87 Luật xử lý vi phạm hành chính.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng

án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn A và bà Trương Thị Đ về việc yêu cầu hủy Quyết định số 782/QĐ-XPVPHC, xử phạt vi phạm hành chính; Quyết định số 1023/QĐ-CCXP cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông Nguyễn A, bà Trương Thị Đ và yêu cầu bồi thường thiệt hại tạm tính trong 3 lần cưỡng chế là 78.145.000đ.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về phần án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 02/10/2019 ông Nguyễn A và bà Trương Thị Đ kháng cáo toàn bộ bản án hành chính sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông, hủy Quyết định số 782/QĐ-XPVPHC về việc xử phạt vi phạm hành chính và Quyết định số 1023/QĐ-CCXP về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả và yêu cầu bồi thường thiệt hại tạm tính trong 3 lần cưỡng chế là 78.145.000đ.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

Ông Nguyễn A và bà Trương Thị Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và yêu cầu khởi kiện và có Đơn xin xét xử vắng mặt.

Ý kiến của ông Nguyễn Nh – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận L: Như trình bày của UBND quận L tại phần nội dung vụ án không có ý kiến gì khác. Ngày 24/5/2018, UBND quận L có Thông báo số 172/TB-UBND về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện, pháp khắc phục hậu quả tại Quyết định số 1023/QĐ-CCXP ngày 27/3/2018 của Chủ tịch UBND quận L đối với ông Nguyễn A và bà Trương Thị Đ. Theo đó, thời gian thực hiện cưỡng chế vào lúc 08 giờ 00 phút ngày 31/5/2018. UBND quận L tiến hành cưỡng chế có lập Biên bản cưỡng chế số 71/BB-CCXP; Biên bản về việc kiểm kê tài sản số 72/BB- CCXP, ông Nguyễn A và Trương Thị Đ có mặt chứng kiến toàn bộ sự việc tổ chức cưỡng chế và kiểm đếm tài sản nhưng từ chối không nhận lại tài sản, không ký biên bản. Việc UBND quận L tổ chức cưỡng chế ngày 31/5/2018 khôi phục lại tình trạng ban đầu và trả lại đất đã chiếm của các hộ đã có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hợp pháp theo quy định của pháp luật.

Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn A và bà Trương Thị Đ, giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm.

Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm mở phiên tòa, Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính trong quá trình giải quyết vụ án.

Về nội dung: Xét thấy, vợ chồng ông Nguyễn A và bà Trương Thị Đ không có tài liệu, chứng cứ thể hiện quyền sở hữu hợp pháp đối với diện tích đất đang khởi kiện; trong khi đó, vợ chồng ông Nguyễn Đức L2, bà Lê Thị Tuyết N1 được UBND thành phố Đà Nẵng cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 3404021205 ngày 08/7/2003, sau đó mới chuyển nhượng lại cho các ông bà nêu trên. Do hành vi cản trở, lấn chiếm đất của vợ chồng ông A, bà Đ là trái pháp luật nên Chủ tịch UBND quận L đã ban hành các quyết định nêu trên là đúng trình tự thủ tục theo quy định tại Điều 10 Nghị định 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai; Điều 33 Nghị định 166/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính; Các Điều 28, 57, 68, 86, 87 Luật xử lý vi phạm hành chính. Ông A và bà Đ kháng cáo nhưng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì mới nên không có cơ sở để chấp nhận.

Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của ông Nguyễn A và bà Trương Thị Đ, giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, người khởi kiện có Đơn xin xét xử vắng mặt, người đại diện theo uỷ quyền ông Phạm Hồng Thuỷ vắng mặt; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trương Văn C, bà Phan Thị Quỳnh H2, bà Trần Thị L, ông Nguyễn Văn K, ông Nguyễn Tùng L1 và bà Nguyễn Thị H3 đã được triệu tập hợp lệ lần thứ ba vẫn vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 225 của Luật Tố tụng hành chính tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn A và bà Trương Thị Đ; Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3] Xét về nguồn gốc thửa đất đang tranh chấp: Nguyên thửa đất là do vợ chồng ông Nguyễn A, bà Trương Thị Đ khai hoang để sản xuất trồng hoa màu từ trước năm 1975. Trong quá trình khai thác sử dụng đất vợ chồng ông A, bà Đ khai

đã đăng ký theo Chỉ thị 299/TTg ngày 10/11/1980 của Chính phủ, số thửa là 770, tờ bản đồ số 07, loại đất màu. Theo sơ đồ thực hiện Nghị định 64/CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ thửa đất trên đổi thành số 182 thuộc tờ bản đồ số 12 do UBND xã Hòa Khánh quản lý, vợ chồng ông A, bà Đ là chủ canh tác hoa màu trên đất.

[4] Đến ngày 31/12/2000 vợ chồng ông A, bà Đ có Đơn xin chuyển nhượng nhà, hoa màu và cây lâu niên cho vợ chồng Ông Nguyễn Đức L2, bà Lê Thị Tuyết N1 được UBND phường Hoà Khánh xác nhận và được UBND thành phố Đà Nẵng cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 3404021205 ngày 08/7/2003, thửa 3, tờ bản đồ số 158, diện tích 556,60m², loại đất ở đô thị; diện tích xây dựng 556,60m² (nhà một tầng; kết cấu: tường xây, mái tôn) tại tổ 87 phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng;

[5] Đến năm 2010, toàn bộ nhà và diện tích đất của vợ chồng ông L2 bà N1 bị cơ quan Thi hành án kê biên bán đấu giá. Các ông bà: Dương Ngọc Đ2 và bà Nguyễn Thị Minh Y; ông Trương Văn C và bà Phan Thị Quỳnh H2 đã mua và được UBND quận L cấp lại Giấy chứng nhận số BD 668248 ngày 30/11/2010. Năm 2014, ông Đ2, bà Y, ông C, bà H2 tự thỏa thuận phân chia, tách thành hai thửa đất được Sở Tài nguyên và Môi trường TP Đà Nẵng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất gồm: Ông Trương Văn C và bà Phan Thị Quỳnh H2 được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BR 807833 ngày 02/6/2014 thửa số 3, tờ bản đồ 158, diện tích 278,6m², loại đất ở. Ông Dương Ngọc Đ2 và bà Nguyễn Thị Minh Y được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BR 807225 ngày 14/4/2014 thửa số 26, tờ bản đồ số 158, diện tích 278m², loại đất ở. Sau đó, ông Đ2, bà Y chuyển nhượng lại cho ông Nguyễn Văn K và bà Trần Thị L; bà Nguyễn Thị H3; bà Nguyễn Tùng L1 và đã sang tên ngày 03/11/2014 tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai L và được UBND quận L cấp Giấy phép xây dựng nhà ở số 999/GPXD ngày 05/12/2014.

[6] Năm 2016, ông A, bà Đ đã khởi kiện UBND thành phố Đà Nẵng về việc yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 3404021205 ngày 08/7/2003 mà UBND thành phố Đà Nẵng đã cấp cho ông Nguyễn Đức L2, bà Lê Thị Tuyết N1, vì cho rằng lô thửa đất này là của ông bà quản lý. Tại Bản án số 07/2016/HC-ST ngày 05/9/2016 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xác định do sai sót của các cơ quan tham mưu cho UBND thành phố Đà Nẵng đã tuyên hủy Giấy chứng

nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 3404021205 do UBND thành phố Đà Nẵng cấp ngày 8/7/2003 cho ông Nguyễn Đức L2 và bà Lê Thị Tuyết N1. Tại Công văn 588/CV-TA ngày 18/7/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng về việc giải thích Bản án hành chính sơ thẩm nói trên đã thể hiện: “*Việc tuyên hủy Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở của ông L2 và bà N1 không đồng nghĩa với việc công nhận quyền sử dụng đất trên cho ông A và bà Đ*”. Vì vậy, các ông Trương Văn C và bà Phan Thị Quỳnh H2; ông Nguyễn Văn K và bà Trần Thị L; bà Nguyễn Thị H3 và ông Nguyễn Tùng L1 đã được UBND quận L, thành phố Đà Nẵng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và Giấy phép xây dựng là đúng quy định của pháp luật.

[7] Xét trình tự, thủ tục ban hành các Quyết định của Chủ tịch UBND quận L, thành phố Đà Nẵng: Trong quá trình các ông Trương Văn C và bà Phan Thị Quỳnh H2; ông Nguyễn Văn K và bà Trần Thị L; bà Nguyễn Thị H3 và ông Nguyễn Tùng L1 tiến hành xây dựng nhà ở thì ông A và bà Đ đã có hành vi cản trở các hộ nói trên. Ngày 28/02/2018 Phòng Tài nguyên và Môi trường quận L lập Biên bản vi phạm hành chính về hành vi “chiếm đất ở” đối với ông A và bà Đ, có sự chứng kiến của các ban, ngành địa phương, vợ chồng ông bà có mặt nhưng không ký biên bản. Ngày 08/3/2018, Chủ tịch UBND quận ban hành Quyết định số 782/QĐ-XPVPHC, xử phạt vi phạm hành chính đối với ông A và bà Đ đã có hành vi chiếm đất ở; với hình thức xử phạt tiền và buộc khắc phục hậu quả, khôi phục lại tình trạng của đất trước khi vi phạm và buộc trả lại đất đã chiếm. Sau khi có Quyết định, Phòng Tài nguyên và Môi trường phối hợp với UBND phường và Tổ dân phố đến nhà bà Đ giao Quyết định xử phạt, bà Đ nhận nhưng không ký biên bản; ngày 15/3/2018, UBND phường H, Ủy ban mặt trận Tổ quốc phường và các đoàn thể của phường tiến hành vận động ông A, bà Đ chấp hành Quyết định, nhưng vợ chồng ông bà vẫn không thực hiện. Ngày 27/3/2018, Chủ tịch UBND quận L ban hành Quyết định số 1023/QĐ-CCXP Cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông Nguyễn A và bà Trương Thị Đ; Ngày 28/3/2018, Phòng Tài nguyên và Môi trường phối hợp với UBND phường và Tổ dân phố đến nhà bà Trương Thị Đ giao quyết định cưỡng chế, ông Nguyễn A nhận nhưng không ký biên bản, niêm yết Quyết định cưỡng chế tại UBND phường H. Ngày 24/5/2018, UBND quận L có Thông báo số 172/TB-UBND về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả tại Quyết định số 1023/QĐ-CCXP ngày 27/3/2018 của Chủ tịch UBND quận L đối với ông A bà Đ. Ngày 31/5/2018, UBND quận L tiến hành cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông Nguyễn A và bà Trương Thị Đ: Lập biên bản

cưỡng chế số 71/BB-CCXP; Biên bản về việc kiểm kê tài sản số 72/BB-CCXP, ông Nguyễn A và Trương Thị Đ có mặt chứng kiến toàn bộ sự việc tổ chức cưỡng chế và kiểm đếm tài sản nhưng từ chối không nhận lại tài sản, không ký biên bản.

Do đó, Chủ tịch UBND quận L đã ban hành các quyết định là đúng trình tự thủ tục theo quy định tại Điều 10 Nghị định 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai; Điều 33 Nghị định 166/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính; Các Điều 28, 57, 68, 86, 87 Luật xử lý vi phạm hành chính.

[8] Đối với yêu cầu Chủ tịch UBND quận L phải bồi thường thiệt hại tạm tính trong 3 lần cưỡng chế đối với gia đình ông A, bà Đ là 78.145.000đ: Hội đồng xét xử xét thấy như phân tích trên, Chủ tịch UBND quận L ban hành các quyết định hành chính nói trên và việc thực hiện biện pháp cưỡng chế đối với hành vi trái pháp luật của ông A và bà Đ là đúng trình tự và thủ tục theo quy định của pháp luật nên không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu bồi thường nói trên.

[9] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy ông Nguyễn A và bà Trương Thị Đ kháng cáo nhưng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì mới để làm thay đổi quyết định của bản án sơ thẩm; do đó, không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông A bà Đ về việc yêu cầu hủy Quyết định số 782/QĐ-XPVPHC xử phạt vi phạm hành chính; Quyết định số 1023/QĐ-CCXP Cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông Nguyễn A, bà Trương Thị Đ và yêu cầu bồi thường thiệt hại tạm tính trong 3 lần cưỡng chế là 78.145.000đ, ý kiến của kiểm sát viên là phù hợp, giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm.

[10] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện và kháng cáo không được chấp nhận nên ông Nguyễn A và bà Trương Thị Đ phải chịu án phí hành chính sơ thẩm và phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật Tổ tụng hành chính.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 106 của Luật Đất đai năm 2013; các Điều 28, 57, 68, 86, 87 Luật xử lý vi phạm hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn A và bà Trương Thị Đ, giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 16/2019/HC-ST ngày 17/9/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

2. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn A và bà Trương Thị Đ về việc yêu cầu hủy Quyết định số 782/QĐ-XPVPHC xử phạt vi phạm hành chính; Quyết định số 1023/QĐ-CCXP cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông Nguyễn A, bà Trương Thị Đ và yêu cầu bồi thường thiệt hại tạm tính trong 3 lần cưỡng chế là 78.145.000đ.

3. Về án phí:

Án phí hành chính sơ thẩm: Ông Nguyễn A và bà Trương Thị Đ phải chịu 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo Biên lai thu tiền số 001657 ngày 01 tháng 3 năm 2019 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng và 3.907.250đ (*Ba triệu chín trăm bảy ngàn hai trăm năm mươi đồng*) đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản do không được chấp nhận.

Án phí hành chính phúc thẩm: Ông Nguyễn A và bà Trương Thị Đ phải chịu 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo Biên lai thu tiền số 001946 ngày 14 tháng 10 năm 2019 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND TP. Đà Nẵng;
- VKSND TP. Đà Nẵng;
- Cục THADS TP. Đà Nẵng;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Võ Ngọc Thông